

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ BỘC NHIÊU**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>Trang</b>
1	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	02

## **1. Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**

**1.1. Đơn vị:** UBND xã Bộc nhiều

- **Mã thủ tục:** 1.008603.000.00.00.H55

- **Số quyết định:** 3007/QĐ-UBND

**1.2. Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**1.3. Lĩnh vực:** Chính sách Thuế

**1.4. Trình tự thực hiện:**

a. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đối với trường hợp tự khai thác nước để sử dụng Hàng quý, người nộp phí kê khai phí theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt” của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn mở tại Kho bạc Nhà nước chậm nhất là ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo. Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định Tờ khai phí, trường hợp không đúng với thực tế thì ra Thông báo nộp bổ sung hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

b. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp a) Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20m<sup>3</sup>/ngày trở lên: Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải với tổ chức thu phí và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước, nộp bổ sung số phí phải nộp theo Thông báo của tổ chức thu phí (nếu có) trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo. Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định tờ khai phí, trường hợp số phí bảo vệ môi trường phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai thì ra Thông báo nộp bổ sung theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo. b) Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20m<sup>3</sup>/ngày: Người nộp phí kê khai phí một lần với tổ chức thu phí khi mới bắt đầu hoạt động theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thời gian khai chậm nhất là ngày 20 tháng liền sau tháng bắt đầu hoạt động. Nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của tổ chức thu phí, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm. Trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau ngày 31 tháng 3 hàng năm thực hiện nộp phí theo Thông báo của tổ chức thu phí trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo. Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định tờ khai phí, trường hợp số

phí bảo vệ môi trường phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai thì ra Thông báo nộp bổ sung theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

c) Đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (trường hợp thuộc bí mật quốc phòng, an ninh): Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) nộp cho Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thẩm định Tờ khai phí bảo vệ môi trường và Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cơ sở hoạt động theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được Tờ khai phí.

**1.5. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính

**1.6. Thời hạn giải quyết:**

Tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai phí.

- Tại UBND phường, thị trấn: Không quy định thời gian giải quyết.

**1.7. Thành phần hồ sơ:**

- Đối với nước thải sinh hoạt: Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Đối với nước thải công nghiệp: Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

**1.8. Mẫu đơn, tờ khai:**

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
Mẫu số 1 và mẫu số 2	mau 967	Bản chính: 1 Bản sao: 0

**1.9. Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp

**1.10. Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp Huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường

**1.11. Cơ quan có thẩm quyền:**

**1.12. Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 132, đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. 2. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND các huyện, thành phố, thị xã. 3. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND các phường, thị trấn.

**1.13. Cơ quan được ủy quyền:**

**1.14. Cơ quan phối hợp:**

**1.15. Kết quả thực hiện:** Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo (nếu có).

**1.16. Căn cứ pháp lý:**

Số ký hiệu	Trích yếu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
53/2020/NĐ-CP	Nghị định 53/2020/NĐ-CP	05-05-2020	

**MẪU SỐ 01**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI SINH HOẠT**

Quý ..... Năm .....

Kính gửi: ..... (tên cơ quan thu phí) .....

Tên đơn vị nộp phí: .....

Địa chỉ: .....

Điện

thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Tài khoản số: ..... Tại ngân hàng: .....

Số TT	Chỉ tiêu	
1	Số lượng nước sạch tự khai thác để sử dụng trong quý	...m <sup>3</sup>
2	Giá bán nước sạch cho đối tượng sản xuất, kinh doanh dịch vụ tại địa phương	đồng/m <sup>3</sup>
3	Mức phí áp dụng tại địa phương	...%
4	Số tiền phí phải nộp trong quý (=1 x 2 x 3)	...

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải nộp ngân sách nhà nước (viết bằng

chữ): .....

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên đây là đầy đủ và chính xác./.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**MẪU SỐ 02**  
**TÊN ĐƠN VỊ**  
 -----  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

**TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**  
**CÔNG NGHIỆP**

Quý ..... Năm .....

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường .....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên người nộp phí: .....

Địa chỉ: .....

MST:

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Tài khoản số: ..... Tại ngân

hàng: .....

Lĩnh vực sản xuất, chế biến: .....

Lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày ( $m^3$ ): .....

Phương pháp xử lý nước thải: .....

Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí ( $m^3$ /ngày): .....

**II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG QUÝ TÍNH PHÍ**

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này:  $f =$  ..... đồng

2. Số phí biến đổi phải nộp trong quý:

a) Tổng lượng nước thải trong quý ( $m^3$ ): .....

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý: .....

b) Hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải tính phí:

Thông số ô nhiễm	Hàm lượng (mg/l)	Căn cứ để kê khai hàm lượng thông số ô nhiễm (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)

c) Số phí biến đổi phải nộp trong quý:  $C_q =$  ..... đồng

3. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh quý này $F_q = (f/4) + C_q$	
2	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có)	
4	Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

**III. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI PHẢI**

**NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KỲ NÀY LÀ .....** (viết bằng chữ) .....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

**Sở Tài nguyên và Môi trường nhận**

**Tờ khai ngày .....**

*(Người nhận ký và ghi rõ họ tên)*

*....., ngày .... tháng.... năm .....*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KHAI, NỘP  
PHÍ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*